

Bản án số: 63/2018/HS-PT
Ngày: 28-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiên.

Các thẩm phán: Ông Dương Thế Vinh.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị H1 - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 27 và ngày 28/6/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 37/TLPT-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thị H1 do có kháng cáo của bị cáo, kháng cáo của bị hại là chị Mai Thị Lâm P1 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là anh Mai Ngọc L1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 178A/2017/HSST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1975 (tên gọi khác: Không).

Nơi ĐKKHKT: phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: đường CX, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Con ông: Vũ Hữu G1, sinh năm 1934 và bà: Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1952; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất; CH1: Cao Việt B1, sinh năm 1971; Có 03 con, lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 07/11/2016 đến ngày 10/11/2016 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại có kháng cáo:

Chị Mai Thị Lâm P1, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

TQ: Số nhà 41, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Mai Thị Lâm P1 có kháng cáo:

Anh Mai Ngọc L1, sinh năm 1974 (Có mặt).

TQ: Số nhà 41, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1952 (Có mặt).

TQ: Số nhà 43, tổ 6, phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Cao Minh V1, sinh năm 1974 (Có mặt).

TQ: đường CX, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Cao Việt B1 (Tên gọi khác: C1), sinh năm 1971 (Có mặt).

TQ: Số nhà 08, ngõ 219B, đường CX, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Bà Trần Thị L2, sinh năm 1950 (Có mặt).

TQ: Số nhà 41, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1952 (Có mặt).

TQ: phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Cao Minh V1, sinh năm 1974 (Có mặt).

TQ: đường CX, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Cao Việt B1 (Tên gọi khác: C1), sinh năm 1971 (Có mặt).

TQ: đường CX, phường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/02/2013, Nguyễn Thị H1 sinh năm 1975 trú tại số nhà 43, tổ 6, phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đang ở nhà cùng với cH1 là anh Cao Việt B1 làm bánh mỳ thì có chị Mai Thị Lâm P1, sinh năm 1980, trú tại số nhà 41, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội đến tìm gặp anh B1 (chị P1 là vợ đã ly hôn với anh B1). Chị P1 gọi anh B1 ra ngoài để nói chuyện về việc nuôi con chung nhưng anh B1 không ra, H1 cũng không đồng ý nên giữa H1 và chị P1 xảy ra cãi chửi nhau. H1 gọi điện thoại cho Anh Cao Minh V1 là em trai anh B1 đến để giải quyết việc chị P1 đến gây sự. Chị P1 tiếp tục gọi anh B1 ra ngoài để nói chuyện nhưng anh B1 không ra, chị P1 khoác tay kéo anh B1 thì H1 ngăn cản. Lúc này, anh V1 đến kéo chị P1 ra ngoài nhưng chị P1 không ra. H1 và chị P1 lao vào túm tóc giằng co nhau, trong lúc giằng co nhau thì H1 dùng tay phải cầm 01 đoạn ống nhựa cứng màu trắng, hình tròn, rỗng giữa dài 30cm, đường kính 3,5cm (thường dùng để cán bột bánh mì) đánh trúng vào vùng đầu, mặt chị P1. Khi ống nhựa

roi xuống nền nhà, H1 dùng chiếc giày đang đi ở chân đánh trúng vào vùng đầu, mặt chị P1. Thấy vậy, anh B1 và anh V1 vào can ngăn. Thấy chị P1 bị chảy máu ở vùng đầu, mặt thì anh B1 đưa chị P1 đến Bệnh viện đa khoa thành phố B điều trị từ 11 giờ 15 phút đến 14 giờ cùng ngày 18/02/2013 thì ra viện. Sau đó chị P1 tiếp tục đi điều trị tại Bệnh viện đa khoa Đức Giang, thành phố Hà Nội từ ngày 20/02/2013 đến ngày 04/3/2013 thì ra viện.

Sau khi nhận được tin báo, Công an phường TNH đã đến hiện trường, tạm giữ 01 đoạn ống nhựa cứng màu trắng, hình tròn, rỗng giữa dài 30cm, đường kính 3,5cm và 02 chiếc giày màu đen, trắng đã qua sử dụng.

Ngày 14/3/2013, chị Mai Thị Lâm P1 có đơn đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị H1.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 04/CN ngày 18/02/2013 và giấy sao bệnh án số 03 ngày 13/9/2013 của Bệnh viện đa khoa thành phố B, tỉnh Bắc Giang xác định tình trạng thương tích của chị P1 khi vào viện như sau: Vết thương vùng thái dương đỉnh trái dài 06cm lộ xương, vùng trán phải dài 07cm, vết thương xây sát da, vùng miệng và giữa trán không chảy máu.

Tại Giấy chứng nhận thương tích số 453/CN ngày 16/4/2013, Bệnh viện đa khoa Đức Giang, thành phố Hà Nội xác định tình trạng thương tích của chị P1 khi vào viện như sau: Một vết thương trán (P) khoảng 3cm (đã khô), xây sát trán (T) khoảng 4cm, CT sọ não hiện không thấy tổn thương.

Ngày 17/4/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trưng cầu giám định thương tích đối với chị Mai Thị Lâm P1. Tại Kết quả giám định pháp y số 5913/13/GDPY ngày 18/4/2013, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận chị Mai Thị Lâm P1 được xác định tỷ lệ tổn thương là 09%; thương tích do vật cứng gây nên, không để lại cố tật.

Ngày 11/12/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B có quyết định trưng cầu giám định bổ sung thương tích chị Mai Thị Lâm P1 theo yêu cầu của Tòa án. Tại Kết quả giám định pháp y bổ sung số 6190/13/GDPY ngày 12/12/2013, Phòng giám định pháp y Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang kết luận: Chị Mai Thị Lâm P1 được xác định tỷ lệ tổn thương bổ sung là 0%; thương tích do trà sát gây nên; không đánh giá cố tật.

Ngày 13/12/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B có quyết định trưng cầu Viện giám định Pháp y tâm thần trung ương giám định tâm thần đối với chị Mai Thị Lâm P1. Tại Kết quả giám định pháp y tâm thần số 80/GDPYTT ngày 16/6/2015 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận:

- Trước, trong khi xảy ra vụ việc, chị Mai Thị Lâm P1 bị bệnh: Rối loạn cảm xúc lưỡng cực hiện tại giai đoạn hưng cảm không có triệu chứng loạn thần.

Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số F31.1.

- Sau khi xảy ra vụ việc và hiện tại chị Mai Thị Lâm P1 bị bệnh: Rối loạn cảm xúc lưỡng cực hiện tại giai đoạn trầm cảm vừa. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 về các rối loạn tâm thần và hành vi bệnh có mã số F31.3.

- Nguyên nhân bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực rất đa dạng, có thể khái quát bằng 3 nhóm chính sau: Các yếu tố di truyền đóng vai trò quan trọng; các yếu tố Stress tâm lý- xã hội; ngoài ra còn có các yếu tố thiếu sót, khuyết tật bẩm sinh ở hệ thần kinh, nội tiết hoặc các cơ quan khác trong cơ thể.

- Trường hợp Mai Thị Lâm P1 bệnh xuất hiện trước thời điểm bị đánh (ngày 18/02/2013) vì vậy nguyên nhân bệnh không liên quan đến việc bị đánh.

- Về tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe tâm thần: Tại thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 của Bộ y tế quy định về tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y tâm thần có xây dựng bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do một số rối loạn tâm thần và hành vi, nhưng trong đó chưa có tỷ lệ phần trăm tổn hại sức khỏe do bệnh rối loạn cảm xúc lưỡng cực gây nên.

Quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án nhân dân thành phố B về việc tiến hành thực nghiệm điều tra. Ngày 15/12/2016 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B làm việc với chủ ngôi nhà số 43, tổ 6, phường TNH, thành phố B là bà Nguyễn Thị Kim T1 và đại diện chính quyền địa phương xác định hiện trường vụ án và một số vật dụng có trong hiện trường vụ án hiện nay đã bị thay đổi, sửa chữa không thể khắc phục được nên không thể tiến hành thực nghiệm điều tra như yêu cầu trong Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung của Tòa án.

Quá trình điều tra bổ sung, bị cáo Nguyễn Thị H1 di khỏi địa phương. Đến ngày 07/11/2016, Nguyễn Thị H1 đã đến Công an phường TNH, thành phố B đầu thú.

Những lời khai của bị cáo Nguyễn Thị H1 tại cơ quan điều tra đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo cho rằng chị P1 tự ngã, bị cáo không gây thương tích cho chị P1.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 178A/2017/HSST ngày 19/12/2017 của TAND thành phố B đã xét xử và quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 29/6/2017 của Quốc hội khóa 14. Khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 07/11/2016 đến ngày 10/11/2016), một ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành **11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường L thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần trách nhiệm dân sự, tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử xong, ngày 29/12/2017 bị cáo Nguyễn Thị H1 nộp đơn kháng cáo với nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, bản án đã xét xử oan sai không đúng tội đối với bị cáo.

Ngày 03/01/2018, bị hại Mai Thị Lâm P1 cùng người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại là anh Mai Ngọc L1 đều kháng cáo với nội dung xin cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm về phần tội danh đối với bị cáo, xem xét lại phần bồi thường dân sự, làm rõ hành vi của Anh Cao Minh V1 đánh và xé quần áo lấy 2.000.000 đồng của bị hại Mai Thị Lâm P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Nguyễn Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Thị H1 kháng cáo với lý do đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm vì giữa bị cáo và chị Mai Thị Lâm P1 không hề quan biết nhau và cũng không có thù ghét gì nhau. Trước ngày xảy ra sự việc khoảng 1 tháng, chị P1 có đến vờ đặt mua bánh mỳ nhà bị cáo nhưng đến hẹn không quay lại nhận hàng như đã thỏa thuận, khi đến nhà bị cáo, chị P1 dò xét quy luật sinh hoạt của bị cáo. Bị cáo không đánh chị H1 như kết luận điều tra và cáo trạng đã quy kết. Thực tế khi chị P1 lao vào đánh bị cáo, bị cáo chỉ khua tay để gạt chị P1 bằng dụng cụ cán bột làm bánh mỳ chứ bị cáo không có ý thức gây thương tích cho chị P1. Bị cáo cũng không dùng gót giày bỏ vào vùng đầu mặt chị P1 như cáo trạng quy kết. Lời khai mâu thuẫn của bị cáo giữa giai đoạn điều tra và tại Tòa án là do khi điều tra, cán bộ công an động viên bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và có nói bị cáo cứ nhận sẽ không phải chịu trách nhiệm gì nên bị cáo nhận như vậy thực tế bị cáo không gây thương tích cho chị P1 như chị P1 khai. Bị cáo thừa nhận mình không bị ép cung, dùng nhục hình. Bị cáo cũng không có căn cứ chứng minh bị cáo bị mớm cung.

Bị cáo khẳng định việc chị P1 đến nhà gây sự, chửi rủa, xúc phạm bị cáo là nguyên nhân chính dẫn đến va chạm giữa đôi bên. Anh Cao Việt B1 (chị H1 bị cáo), Anh Cao Minh V1 là em trai anh B1 và bà Nguyễn Thị Kim T1 (mẹ đẻ bị cáo) không liên quan gì đến thương tích của chị P1. Việc chị P1 bị thương tích

là do khi đuổi đánh bị cáo và đôi bên xảy ra va chạm, chị P1 bị ngã, va vào cán cân bột bánh mỳ của nhà mẹ đẻ bị cáo.

Từ sau khi sự việc va chạm với chị P1 xảy ra, đến ngày 31/10/2014, bị cáo mới đi xuất khẩu lao động, bị cáo nghĩ sự việc đã được giải quyết xong nên bị cáo xin đi nước ngoài lao động hợp pháp chứ bị cáo không bỏ trốn vì chính Công an tỉnh Bắc Giang là cơ quan cấp visa, hộ chiếu cho bị cáo xuất cảnh. Bản án sơ thẩm cho rằng bị cáo bỏ trốn là không đúng.

Bị cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng người đúng tội, đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Mai Thị Lâm P1 là anh Mai Ngọc L1 trình bày: Anh là anh trai chị Mai Thị Lâm P1, chị P1 và anh kháng cáo không đồng ý với Bản án sơ thẩm vì các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng tại phiên tòa đã chứng minh đây là một vụ án giết người có tổ chức thể hiện ở việc có sự sắp xếp, phân công việc thực hiện tội phạm đánh chị P1 của bị cáo H1 cùng với Cao Việt B1 và Cao Minh V1.

Anh được nghe chị P1 cũng như những người hàng xóm gần nhà bà T1 kể lại việc anh Cao Việt B1 ôm chị P1 để cho chị H1 và anh V1 đánh chị P1. Bản thân anh V1 đánh chị P1 rất dã man và cướp của chị P1 2.000.000 đồng. Nếu anh Cao Việt B1 không đưa chị P1 đi cấp cứu, án mạng rất có thể đã xảy ra.

Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử Nguyễn Thị H1, Cao Việt B1, Cao Minh V1 về tội giết người. Buộc Nguyễn Thị H1 bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khỏe bị xâm hại cho chị Mai Thị Lâm P1 số tiền 200 triệu đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Cao Việt B1 trình bày:

Chị Mai Thị Lâm P1 là vợ cũ của anh, anh và chị P1 đã ly hôn từ năm 2006. Năm 2010, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H1. Giữa chị H1 và chị P1 không có mâu thuẫn gì nhưng ngày 18 tháng 02 năm 2013, chị P1 tự ý đến nhà mẹ đẻ chị H1 gây gỗ, chửi bới, xúc phạm chị H1, anh và gia đình nhà chị H1. Mặc dù đã được mọi người can ngăn nhưng chị P1 vẫn lao vào đánh chị H1 dẫn tới sự việc đáng tiếc xảy ra.

Bản thân anh không nhìn thấy chị H1, anh V1 hay ai đánh chị P1 do lúc va chạm, xô sát giữa chị H1 và chị P1 anh không ở trong nhà mà đi ra ngoài cửa. Lời khai của anh tại cơ quan điều tra khẳng định chị H1 dùng dụng cụ cán bột bánh mỳ đánh chị P1 là lời khai không đúng, do anh khai theo gợi ý của cơ quan điều tra. Anh B1 thừa nhận anh không có chứng cứ gì để chứng minh anh bị mớm cung, ép cung, dùng nhục hình trong quá trình điều tra.

Anh B1 khẳng định sự việc xảy ra hoàn toàn do lỗi của chị Mai Thị Lâm P1, bản thân anh và anh V1 (em trai anh) không đánh chị P1. Chị Nguyễn Thị H1 vợ anh không có tội nên anh không đồng ý với kháng cáo của bị hại chị Mai

Thị Lâm P1 cũng như người đại diện của bị hại là anh Mai Ngọc L1. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử đúng người, đúng tội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Trần Thị L2 trình bày:

Bà là mẹ đẻ của chị Mai Thị Lâm P1 trước đây khi chị P1 con gái bà kết hôn với anh Cao Việt B1 trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Anh B1 thường cờ bạc, phá tán tài sản nên chị P1 và anh B1 đã ly hôn. Tòa án buộc anh B1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng anh B1 không thực hiện dẫn tới ngày 18/02/2013 chị P1 đến tìm anh B1 để đòi tiền cấp dưỡng nuôi con thì bị chị H1, anh B1 và anh V1 tổ chức đánh giết như anh Mai Ngọc L1 đã khai là đúng.

Bà thừa nhận sau khi sinh con chung với anh B1, do bị anh B1 và gia đình anh B1 hành hạ nên chị P1 bị trầm cảm nặng. Sau khi vợ chồng anh B1 chị P1 ly hôn bà đã chữa trị khỏi bệnh cho chị P1 và chị P1 đã tự làm ăn, sinh hoạt bình thường. Từ sau khi xảy ra sự việc chị P1 bị chị H1, anh V1, anh B1 đánh, bệnh tình của chị P1 tái phát nên bà và gia đình đã phải đưa chị P1 chạy chữa khắp các bệnh viện 6 năm nay tốn kém rất nhiều.

Bà Trần Thị L2 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 12 tháng tù giam và buộc bị cáo H1 bồi thường cho gia đình bà và chị P1 200 triệu đồng. Anh Cao Minh V1 trực tiếp đánh chị P1 và cướp của chị P1 2.000.000 đồng, bà đề nghị Tòa án xử nghiêm với anh V1 và buộc anh V1 trả lại chị P1 2.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng bà Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Bà không biết gì về việc ai là người đánh chị P1 vì khi đó bà không có mặt nơi xảy ra sự việc. Bà chỉ biết anh B1 là người đưa chị P1 đi cấp cứu, lời khai của bà tại cơ quan điều tra là do cán bộ công an bảo bà ký vì sự việc đơn giản thì bà ký. Bà không đồng ý với kháng cáo của bị hại cũng như người đại diện hợp pháp của bị hại. Bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người làm chứng Anh Cao Minh V1 trình bày:

Vào khoảng 8 giờ 30 đến 9 giờ ngày 18/12/2013, anh nhận được điện của mẹ anh nói đến nhà bà T1 (mẹ đẻ chị H1) có việc cãi nhau giữa chị P1 với gia đình chị H1, anh B1 (anh trai anh). Khi đến nơi, anh thấy chị H1 và chị P1 xô xát, đánh cãi chửi nhau nên anh có vào can ngăn và kéo chị P1 ra khỏi nhà bà T1. Khi thấy chị P1 chảy máu ở vùng đầu, mặt, anh và mọi người bảo anh B1 đưa chị P1 đi cấp cứu. Anh không biết ai là người đánh chị P1. Anh không thừa nhận việc có đánh chị P1 cũng như cướp của chị P1 2.000.000 đồng như phía chị P1, anh Lâm, bà Lan khai. Mọi lời khai của anh từ trước đến nay đúng quy định của pháp luật không gian dối gì. Anh đề nghị Tòa án xử đúng quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa xem xét toàn diện vụ án thấy: Sự việc xô sát xảy ra tại nhà bà Nguyễn Thị Kim T1 ngày 18/02/2013 là có thật. Do mâu thuẫn cãi chửi nhau giữa chị P1 với bị cáo dẫn tới bị cáo có dùng cán bột bánh mỳ và guốc đánh vào vùng đầu mặt chị Phúc gây thương tích cho chị P1 9% sức khỏe. Lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác nên có căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị H1 đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho chị Mai Thị Lâm P1 9% sức khỏe đã phạm vào tội cố ý gây thương tích theo quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Tội phạm xảy ra lỗi một phần do bị hại gây sự trước với bị cáo nên Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo 12 tháng cải tạo không giam giữ là có căn cứ, đúng người đúng tội; buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 phải bồi thường cho bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại số tiền 29.355.400 đồng là đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo cũng như kháng cáo của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị Tòa án xét xử Nguyễn Thị H1, Cao Việt B1, Cao Minh V1 về tội giết người, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 200.000.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1, bị hại Mai Thị Lâm P1, người đại diện hợp pháp và là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại là anh Mai Ngọc L1 đã nộp theo đúng các quy định của pháp luật nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp cần được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị H1, qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình xét hỏi tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm thấy đủ cơ sở xác định:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 18/02/2013, tại số nhà 43, tổ 6, phường TNH, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã xảy ra việc xô sát, đánh cãi chửi nhau giữa chị Mai Thị Lâm P1 với Nguyễn Thị H1 nguyên nhân là do chị P1 tự ý đến gây sự, chửi bới, xúc phạm gia đình H1 nên trong lúc xô sát, Nguyễn Thị H1 đã có hành vi dùng một chiếc ống nhựa cứng màu trắng, hình tròn, rỗng giữa, dài 30cm, đường kính 3,5cm (dùng làm dụng cụ để cán bột bánh mỳ của gia đình bà Nguyễn Thị Kim T1 mẹ đẻ H1) và một chiếc giày phụ nữ màu đen trắng đánh

vào đầu và mặt chị Mai Thị Lâm P1 sinh năm 1980 trú tại số nhà 41, tổ 1, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội (là vợ cũ của anh Cao Việt B1 là CH1 hiện tại của H1) làm chị P1 bị tổn hại sức khỏe do thương tích gây nên là 09%.

Chị Mai Thị Lâm P1 có đơn yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị H1. Đoạn ống nhựa cứng, màu trắng, hình tròn dài khoảng 30cm, đường kính 3,5m (dùng làm dụng cụ để cán bột bánh mỳ của gia đình bà Nguyễn Thị Kim T1 mẹ đẻ H1) và 01 chiếc giày phụ nữ theo quy định tại điểm c mục 2.2 phần I Nghị quyết 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là công cụ, dụng cụ được chế tạo nhằm phục vụ cho cuộc sống của con người (trong sản xuất, trong sinh hoạt) và là “Phương tiện nguy hiểm” bị cáo Nguyễn Thị H1 sử dụng để gây thương tích cho chị Mai Thị Lâm P1 với tỷ lệ thương tích 9% nên hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo H1 không nhận tội và cho rằng bị cáo không gây thương tích cho chị P1. Thương tích của chị P1 là do trong lúc xô sát đôi bên, chị P1 tự ngã vào máy làm bánh mỳ nhà mẹ đẻ bị cáo gây nên nhưng bị cáo không có chứng cứ chứng minh lời khai của bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo cũng thừa nhận trong quá trình điều tra, bị cáo không bị ép cung, bức cung, dúng nhục hình, bị cáo cũng không chứng minh được việc bị cáo bị mớm cung như bị cáo khai. Do vậy không có căn cứ chấp nhận lời khai bị mớm cung này tại phiên tòa của bị cáo.

Mặt khác, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ như bản tường trình, bản kiểm điểm, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như Giấy chứng nhận thương tích, kết quả giám định pháp y, vật chứng thu giữ, kết luận cơ chế hình thành vết thương và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ khẳng định bị cáo Nguyễn Thị H1 đã thực hiện hành vi phạm tội cố ý gây thương tích cho chị Mai Thị Lâm P1. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị H1 về tội “Cố ý gây thương tích” thuộc tình tiết định khung dùng “hung khí nguy hiểm” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thị H1.

[3] Xét mức hình phạt Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 12 tháng cải tạo không giam giữ thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị H1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thái độ khai báo không thành khẩn, không thừa nhận có hành vi gây thương tích cho người bị hại. Trong giai đoạn điều tra, bị cáo đã nhờ CH1 là anh Cao Việt B1 nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho người bị hại, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và anh B1 và đều xác định không có ý thức nộp tiền để bồi thường cho người bị hại, mà chỉ nộp tiền là do cơ quan pháp luật yêu cầu và đều đề nghị đòi lại số tiền trên. Do vậy, bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ.

Tội phạm xảy ra do lỗi một phần của người bị hại do chị Mai Thị Lâm P1 vô cớ đến nhà mẹ đẻ bị cáo gây sự, chửi bới, xúc phạm bị cáo và gia đình bị cáo dẫn đến hai bên xô xát, đánh nhau. Bản án sơ thẩm xác định tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo cho rằng cơ quan điều tra truy nã bị cáo là không có căn cứ, tuy nhiên căn cứ vào biên bản tiếp nhận đối tượng truy nã đầu thú xác nhận sau thời gian bị truy nã, bị cáo đã tới cơ quan công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Ý thức chủ quan của bị cáo không phải là bỏ trốn nhưng thực tế bị cáo đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú mà vẫn đi xuất khẩu lao động nên bị xác định là bỏ trốn, tuy vậy cơ quan quản lý nhà nước về xuất nhập cảnh cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc cấp phép xuất cảnh cho bị cáo Nguyễn Thị H1 trong trường hợp này.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo Nguyễn Thị H1, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Nguyễn Thị H1 đã áp dụng mức hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp, đúng quy định của pháp luật, thể hiện sự khoan H1 của chính sách pháp luật đối với bị cáo do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo đối với mức hình phạt đã tuyên của Bản án sơ thẩm.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị hại, người đại diện của bị hại đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Mai Thị Lâm P1 về việc đề

ngợi Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị H1 đồng phạm cùng anh Cao Việt B1 và Anh Cao Minh V1 về tội giết người thấy:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chứng minh bị cáo Nguyễn Thị H1 có ý thức và hành vi tước đoạt tính mạng chị Mai Thị Lâm P1. Cũng không có căn cứ chứng minh Anh Cao Minh V1 và anh Cao Việt B1 gây thương tích hoặc cố ý tước đoạt tính mạng chị Mai Thị Lâm P1 như phía chị P1 và người đại diện của chị P1 đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P1 khai. Mặt khác, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như lời khai của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều thừa nhận ngay sau khi phát hiện chị P1 bị chảy máu vùng đầu, mặt anh Cao Việt B1 là người trực tiếp chở chị P1 đi cấp cứu tại bệnh viện. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của phía bị hại và người đại diện của bị hại.

Xét kháng cáo của bị hại, người đại diện của bị hại đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Mai Thị Lâm P1 về việc đề nghị Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 bồi thường cho bị cáo theo quy định của pháp luật với số tiền khoảng 200.000.000 đồng thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các chứng từ, hóa đơn chứng minh chi phí cứu chữa và các chi phí hợp lý cho việc bồi thường do sức khỏe của bị hại Mai Thị Lâm P1 do hành vi xâm phạm sức khỏe của bị cáo Nguyễn Thị H1 gây ra cho chị P1 để buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 bồi thường cho bị hại số tiền 29.355.400 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại cũng như người đại diện hợp pháp của bị hại kháng cáo không đưa ra được chứng cứ mới chứng minh tính có căn cứ của yêu cầu Tòa án buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền khoảng 200.000.000 đồng nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của bị hại cũng như người đại diện của bị hại.

Xét kháng cáo của bị hại chị Mai Thị Lâm P1 và người đại diện của chị P1 đề nghị Tòa án buộc Anh Cao Minh V1 trả lại cho chị P1 số tiền 2.000.000 đồng anh V1 lấy của chị P1 khi xảy ra xô sát giữa chị P1 với bị cáo Nguyễn Thị H1 thấy: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của người tham gia tố tụng tại phiên tòa cũng như lời khai của Anh Cao Minh V1 đều thể hiện không có căn cứ chứng minh việc anh V1 lấy của chị P1 số tiền 2.000.000 đồng như phía bị hại và người đại diện của bị hại khai. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị hại cũng như đại diện hợp pháp của bị hại.

Xét các quyết định khác của Bản án sơ thẩm bị kháng cáo thấy: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điều kiện thu nhập thực tế của bị cáo Nguyễn Thị H1 không

có thu nhập thường xuyên nên miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm quyết định xử lý vật chứng đúng quy định tại Điều 41 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, buộc bị cáo chịu án phí theo đúng quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBNTQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo đúng quy định tại Điều 231 và Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, của bị hại cũng như của người đại diện của bị hại đối với những quyết định này của Bản án sơ thẩm.

Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1, người bị hại chị Mai Thị Lâm P1 cũng như kháng cáo của anh Mai Ngọc L1 là người đại diện hợp pháp đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đối với Bản án sơ thẩm do vậy cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 178A/2017/HS-ST ngày 19/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

[5] Về án phí phúc thẩm:

Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của bị hại Mai Thị Lâm P1 và kháng cáo của đại diện và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh Mai Ngọc L1 không được chấp nhận, tuy nhiên chị Lâm và anh Phúc đều không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBNTQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H1; không chấp nhận kháng cáo của bị hại Mai Thị Lâm P1 và đại diện bị hại anh Mai Ngọc L1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009. Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 29/6/2017 của Quốc hội khóa 14. Khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”, được trừ đi thời gian tạm giữ (từ ngày 07/11/2016 đến ngày 10/11/2016), một ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân phường L thành phố B, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn việc khấu trừ thu nhập hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Thị H1.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự. Điều 280, Điều 281; Điều 605; Điều 609 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 phải bồi thường cho chị Mai Thị Lâm P1 tổng số tiền 29.355.400 đồng. Trả lại cho bị cáo H1 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) chiếc ống nhựa cứng màu trắng tròn, rỗng giữa dài 30cm, đường kính 3,4cm;

- 01 (một) đôi giày chất liệu nhựa màu đen, trắng đã qua sử dụng.

[4] Án phí hình sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị H1 chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm:

[5] Án phí dân sự:

Bị cáo Nguyễn Thị H1 phải chịu 1.467.770 đồng (Một triệu, bốn trăm sáu bảy nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị hại Mai Thị Lâm P1 và người đại diện đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại anh Mai Ngọc L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cũng như án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- VKSND thành phố B;
- TAND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- CC THADS thành phố B;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Như Hiến

- Ủy ban nhân dân phường L thành phố B,
tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Lưu HS, HCTP.